

Số: 48/2021/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 28 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BXD ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn chi tiết về chế độ báo cáo định kỳ; sửa đổi, bổ sung thay thế một số điều của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2238/TTr-SXD ngày 21 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: Chủ tịch, các PCT;
- Sở Tư pháp;
- Công Thông tin Điện tử;
- VP: CVP, PCVP và các CV;
- Lưu VT, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Hải Minh

QUY ĐỊNH

Chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế
(Kèm theo Quyết định số 48 /2021/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định Chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Các chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực xây dựng đã được Bộ Xây dựng quy định chuẩn hóa và áp dụng cho từng cấp chính quyền, đơn vị tại Thông tư số 02/2019/TT-BXD ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về chế độ báo cáo định kỳ; sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2019/TT-BXD) và Quyết định số 751/QĐ-BXD ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (sau đây viết tắt là Quyết định số 751/QĐ-BXD) thì thực hiện theo các văn bản trên của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Đối tượng thực hiện báo cáo, nhận báo cáo

1. Đối tượng thực hiện báo cáo, nhận báo cáo: theo quy định cụ thể tại Chương II Quy định này.

2. Đầu mối báo cáo cấp tỉnh: Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Xây dựng.

Điều 4. Phương thức gửi, nhận báo cáo

1. Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức

sau đây:

- a) Qua Hệ thống Văn phòng điện tử liên thông (Phần mềm Quản lý văn bản);
- b) Gửi trực tiếp;
- c) Qua dịch vụ bưu chính;
- d) Qua Fax;
- đ) Qua hệ thống thư điện tử công vụ;
- e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Tất cả báo cáo và biểu mẫu được gửi theo các phương thức tại khoản 1 Điều này phải đính kèm tệp tin (file word, excel, pdf).

3. Trường hợp có hệ thống phần mềm báo cáo chuyên dùng, phương thức gửi và nhận báo cáo được thực hiện trên hệ thống phần mềm chuyên dùng.

Điều 5. Thời gian chốt số liệu báo cáo

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 09/2019/NĐ-CP), cụ thể như sau:

2. Báo cáo định kỳ hàng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

3. Báo cáo định kỳ hàng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

4. Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

5. Báo cáo định kỳ hàng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

6. Một số báo cáo có thời gian chốt số liệu khác so với Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này được quy định cụ thể trong nội dung của báo cáo tại Chương II Quy định này.

Điều 6. Thời hạn gửi báo cáo

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 02/2019/TT-BXD, cụ thể như sau:

1. Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị trực thuộc gửi báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, sở, ban, ngành chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo.

2. Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp huyện, sở, ban, ngành tổng hợp, gửi báo cáo định kỳ cho Sở Xây dựng chậm nhất vào ngày 18 của tháng cuối kỳ báo cáo.

Đối với các báo cáo không quy định tổng hợp từ cấp dưới, thời hạn gửi báo cáo cho Sở Xây dựng chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo.

3. Thời hạn Sở Xây dựng tổng hợp, gửi báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng chậm nhất vào ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo.

4. Một số báo cáo có thời hạn gửi báo cáo khác so với Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được quy định cụ thể trong nội dung báo cáo tại Chương II Quy định này.

Điều 7. Công bố danh mục báo cáo định kỳ

1. Sở Xây dựng rà soát, lập danh mục báo cáo định kỳ được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố chậm nhất sau 04 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, kỳ báo cáo/tần suất thực hiện báo cáo, mẫu đề cương báo cáo và tên văn bản quy định chế độ báo cáo.

Hồ sơ trình gồm: Tờ trình, dự thảo Quyết định công bố danh mục báo cáo định kỳ và gửi đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sau khi nhận được hồ sơ trình công bố, căn cứ quy định pháp luật hiện hành, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra về nội dung và hình thức dự thảo Quyết định công bố. Trường hợp dự thảo Quyết định công bố đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành theo quy định.

3. Trường hợp hồ sơ trình công bố chưa đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến góp ý bằng văn bản gửi Sở Xây dựng để chỉnh lý, hoàn thiện chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình ban hành Quyết định công bố.

Sở Xây dựng chỉnh lý, hoàn thiện và trình lại dự thảo quyết định công bố chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản góp ý của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. Hồ sơ trình công bố phải có thêm văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng có trách nhiệm đăng tải và duy trì danh mục báo cáo định kỳ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng, đảm bảo thời gian đăng tải chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy định chế độ báo cáo có hiệu lực thi hành.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1**LĨNH VỰC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG****Điều 8. Báo cáo công tác thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình**

1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

a) Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Sở Xây dựng;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Tần suất thực hiện báo cáo: Quý, năm (04 lần/năm); riêng báo cáo Quý IV được lồng ghép, tổng hợp vào báo cáo năm của đơn vị.

4. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: Mẫu 1 tại Phụ lục kèm theo Quy định này (gồm Biểu 001/TĐDA và Biểu 002/PDDA).

5. Quy trình thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo địa bàn quản lý.

b) Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng.

c) Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Báo cáo về tình hình hoạt động của các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

a) Sở Xây dựng;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông tỉnh Thừa Thiên Huế, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Sở Xây dựng.

3. Tần suất thực hiện báo cáo: năm (01 lần/năm).

4. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: Mẫu 2 tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

5. Quy trình thực hiện:

a) Các cơ quan, đơn vị tại khoản 1 Điều này (trừ Sở Xây dựng) báo cáo Sở Xây dựng.

b) Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Báo cáo về tình hình quản lý chất lượng, an toàn lao động và giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng

1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

a) Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; Các cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền làm đại diện đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Các tổ chức, cá nhân giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp xây dựng, giám định viên tư pháp xây dựng.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Sở Xây dựng.

3. Tần suất thực hiện báo cáo: năm (01 lần/năm).

4. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: Mẫu 3 tại Phụ lục kèm theo Quy định này, cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; Các cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền làm đại diện đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP; Ủy ban nhân dân cấp huyện: Mẫu 3.1 (có Biểu 001/QLCL, 002/ATLĐ kèm theo).

b) Các tổ chức, cá nhân giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp xây dựng, giám định viên tư pháp xây dựng: Mẫu 3.2.

5. Quy trình thực hiện:

a) Các cơ quan, đơn vị tại Khoản 1 Điều này (trừ Sở Xây dựng) báo cáo Sở Xây dựng.

b) Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 2**LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ****Điều 11. Báo cáo tình hình phát triển đô thị**

1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

a) Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu vực Phát triển đô thị tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Sở Xây dựng.

3. Tần suất thực hiện báo cáo: năm (01 lần/năm).

Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng. Sở Xây dựng sẽ hướng dẫn thực hiện khi nhận được hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

4. Quy trình thực hiện:

a) Các cơ quan, đơn vị tại khoản 1 Điều này (trừ Sở Xây dựng) báo cáo Sở Xây dựng.

b) Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 3**LĨNH VỰC QUẢN LÝ HẠ TẦNG KỸ THUẬT****Điều 12. Báo cáo về tình hình xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng**

1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Đơn vị quản lý nghĩa trang; đơn vị quản lý vận hành cơ sở hỏa táng.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Sở Xây dựng.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Tần suất thực hiện báo cáo: 06 tháng, năm (02 lần/năm).

4. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: Mẫu 4 tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

5. Quy trình thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã; đơn vị quản lý nghĩa trang; đơn vị quản lý vận hành cơ sở hỏa táng báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo địa bàn quản lý.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng.

c) Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Báo cáo về tình hình quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị

1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

a) Sở Xây dựng;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Đơn vị quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Sở Xây dựng.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Tần suất thực hiện báo cáo: năm (01 lần/năm).

4. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: Mẫu 5 tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

5. Quy trình thực hiện:

a) Đơn vị quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng

c) Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 4

LĨNH VỰC QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở VÀ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Điều 14. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nhà chung cư

1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

a) Sở Xây dựng;

b) Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Sở Xây dựng.

3. Tần suất thực hiện báo cáo: 06 tháng, năm (02 lần/năm).

4. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: Mẫu 6 tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

5. Quy trình thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh báo cáo Sở Xây dựng.

b) Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 15. Báo cáo về hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản

Nội dung và các yếu tố cấu thành báo cáo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

Mục 5

LĨNH VỰC KHÁC

Điều 16. Báo cáo tình hình quản lý trật tự xây dựng

1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

a) Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Sở Xây dựng;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo vào các ngày 10 tháng cuối quý, năm.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo vào các ngày 15 tháng cuối quý, năm.

4. Tần suất thực hiện báo cáo: quý, năm (04 lần/năm); lồng ghép báo cáo Quý IV và báo cáo năm.

5. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 10 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 09 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

b) Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 10 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 09 tháng 12 của kỳ báo cáo.

6. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: Mẫu 7 và Biểu 001/TTXD tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

7. Quy trình thực hiện:

- a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo địa bàn quản lý.
- b) Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực xây dựng theo Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.
- b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục báo cáo định kỳ lĩnh vực xây dựng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- c) Thường xuyên tổ chức rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với mục tiêu quản lý, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ, Thông tư số 02/2019/TT- BXD ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Quy định này.

Điều 18. Điều khoản thi hành

Văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực xây dựng do các cơ quan soạn thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có nội dung quy định báo cáo định kỳ thì phải thực hiện đúng các nguyên tắc, yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ- CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ và của Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.